TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ QUY NHƠN** **TỈNH BÌNH ĐỊNH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 211/2024/DS-ST
Ngày: 09 - 8 - 2024
V/v "*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*"

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ QUY NHƠN, TỈNH BÌNH ĐỊNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Tài

Các Hội thẩm nhân dân: - Bà Nguyễn Thị Vân;

- Bà Nguyễn Thị Ngọc Thuý.

- ***Thư ký phiên tòa*:** Bà Trần Thị Mỹ Lệ - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định tham gia phiên tòa:*** Ông Trần Võ Phong –Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 8 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Quy Nhơn xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 95/2024/TLST- DS ngày 12 tháng 4 năm 2024 về việc "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 178/2024/QĐXXST-DS ngày 17 tháng 6 năm 2024, giữa các đương sự:

* *Nguyên đơn:* Ông Võ Minh T, sinh năm 1982
Địa chỉ: Thôn P, xã P, huyện T, Bình Định.
Người đại diện theo ủy quyền chị : Trần Thị Mỹ H, sinh năm 1985
Địa chỉ: Thôn P, xã P, huyện T, Bình Định.
* *Bị đơn:* Bà Lê Thị N, sinh năm 1972 và ông Lê Đức M, sinh năm 1971
Địa chỉ: Tổ A khu V phường T, TP ., tỉnh Bình Định.
(Tại phiên toà, nguyên đơn có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt, bị đơn vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện, các lời khai tiếp theo trong quá trình giải quyết vụ án người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn anh Võ Minh T là chị Trần Thị Mỹ H trình bày:*

Do có quen biết nên vào ngày 15/02/2020, anh Võ Minh T có cho vợ chồng ông Lê Đức M và bà Lê Thị N vay số tiền 20.000.000 đồng (Hai mươi triệu đồng) để ông bà tu sửa lại nhà bếp. Khi vay, vợ chồng ông M, bà N viết "Giấy mượn tiền", ghi nhận việc vay số tiền nêu trên, hai bên thỏa thuận lãi suất trong thời hạn vay được tính theo lãi suất tối đa theo quy định của pháp luật (20%/năm). Ông M, bà N hẹn sau 02 tháng kể từ ngày vay sẽ trả đủ cho anh T cả tiền vay gốc và lãi suất.

Tuy nhiên, đến hạn trả nợ, anh T yêu cầu trả thì ông bà lấy lý do đang gặp khó khăn nên hẹn một thời gian nữa sẽ trả. Từ đó đến nay, anh T nhiều lần yêu cầu vợ chồng ông Lê Đức M và bà Lê Thị N thanh toán số nợ nhưng không trả nợ như đã thỏa thuận.

Nay anh T yêu cầu vợ chồng ông Lê Đức M và bà Lê Thị N trả cho anh T số tiền vay gốc là 20.000.000 đồng (Hai mươi triệu đồng), tiền lãi suất tương ứng với khoản vay trên theo quy định của pháp luật.

** Theo biên bản lấy lời khai ngày 16/4/2024 bị đơn ông Lê Đức M và bà Lê Thị N trình bày*

Vào khoảng năm 2020 vợ chồng ông M, bà N có vay của anh T số tiền: 20.000.000 đồng, khi vay có viết giấy vay tiền, mục đích vay để xây nhà, thời hạn vay khi nào có tiền thì trả nợ, và hẹn mỗi tháng trả lãi 2.000.000 đồng. Sau khi vay đã trả được 12 tháng tiền lãi, khi trả không có ghi giấy tờ, sau 01 năm giảm lãi còn 1.400.00 đồng/ tháng, ông M, bà N đã trả được 02 năm, sau đó không có tiền trả tiếp. Trong năm 2023 ông M, bà N trả cho anh T được 3.000.000 đồng tiền nợ gốc, hiện ông bà còn nợ anh T 17.000.000 đồng, khi trả gốc không có giấy tờ gì. Nay ông M, bà N đồng ý trả cho anh T 17.000.000 đồng, ông bà xin trả dần mỗi tháng 1.000.000 đồng, thời gian bắt đầu từ tháng 5/2024 cho đến khi hết nợ.

* Tại phiên tòa sơ thẩm, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Quy Nhơn phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm HĐXX nghị án đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn đã chấp hành đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều 70, 71 của BLTTDS, Bị đơn chưa thực hiện đúng quyền, nghĩa vụ tại các Điều 70 và 72 BLTTDS.

Hướng giải quyết vụ án: Đề nghị HĐXX áp dụng Điều 463, 466 Bộ luật dân sự 2015: Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của anh Võ Minh T buộc ông Lê Đức M và bà Lê Thị N trả lại cho anh T số tiền 20.000.000 đồng và tiền lãi với mức 10%/năm cho khoản vay 20.000.000 đồng tính từ ngày 15/4/2020 cho đến thời điểm xét xử. Về án phí đương sự phải chịu theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết vụ án, vụ án có quan hệ là "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản", bị đơn cư trú tại khu V, phường T, TP ., tỉnh Bình Định. Tòa án nhân dân thành phố Quy Nhơn thụ lý vụ án, giải quyết theo thẩm quyền quy định tại Điều 26, điểm a, khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về sự vắng mặt của đương sự: Bà Trần Thị Mỹ H, là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn Võ Minh T có Đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Ông Lê Đức M và bà Lê Thị N là bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai, vắng mặt không có lý do, không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan. Theo quy định khoản 2 Điều 227 và Điều 238 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 nên Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử.

[2] Về nội dung vụ án :

Xét yêu cầu của nguyên đơn ông Võ Minh T yêu cầu ông Lê Đức M và bà Lê Thị N có nghĩa vụ thanh toán dứt điểm một lần cho ông T số tiền 20.000.000 đồng *(bằng chữ: Hai mươi triệu đồng)* tiền vay gốc và tính lãi theo quy định pháp luật. Bị đơn ông M và bà N thống nhất có vay tiền của ông T 20.000.000 đồng và đã trã 3.000.000 đồng, nay chỉ đồng ý trả 17.000.000 đồng bằng cách trả dần mỗi tháng trả 1.000.000 đồng cho đến khi hết nợ.

HĐXX nhận định: Căn cứ vào Giấy mượn tiền ngày 15/02/2020, ông Lê Đức M và bà Lê Thị N thống nhất vay số tiền: 20.000.000 đồng *(bằng chữ: Hai mươi triệu đồng chẵn)*, thời hạn trả 02 tháng, sau khi vay đến hạn trả nợ nhưng bên vay không trả là vi phạm nghĩa vụ trả tiền, nay anh T yêu cầu bên vay trả 20.000.000 đồng là có căn cứ nên HĐXX chấp nhận.

Đối với yêu cầu tính lãi theo quy định pháp luật của nguyên đơn:

HĐXX xét: Ngày ngày 15/4/2020 là ngày ông M và bà N phải trả nợ cho anh T, nhưng bị đơn không thực hiện là vi phạm nghĩa vụ trả tiền, thì phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả đến ngày xét xử là phù hợp với Điều 468 BLDS nên HĐXX chấp nhận:

- Từ 15/4/2020 đến ngày 09/8/2024:

20.000.000đ x 10%/năm x 4 năm 116 ngày = 8.635.616 đồng

Tổng cộng ông M và bà N phải trả cho anh T số tiền gốc và lãi là: 20.000.000 đồng + 8.635.616 đồng = 28.635.616 đồng

Ông M và bà N khai đã trả 3.000.000 đồng tiền nợ gốc cho anh T nhưng không có chứng cứ chứng minh, nay chỉ đồng ý trả 17.000.000 đồng tiền nợ gốc và xin trả dần mỗi tháng 1.000.000 đồng cho đến khi hết nợ, lời khai này không được bên nguyên đơn đồng ý và không có cơ sở nên HĐXX không chấp nhận.

[4] Án phí Dân sự sơ thẩm: Ông M và bà N phải có nghĩa vụ trả nợ cho anh T số tiền 28.635.616 đồng nên ông M và bà N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

- Anh Tú được Tòa chấp nhận yêu cầu khởi kiện nên không phải chịu án phí. H1 lại cho anh T số tiền tạm ứng án phí đã nộp

[5] Tại phiên tòa ý kiến đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định là phù hợp với nhận định của HĐXX.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 26, Điều 35, 39, 147 Bộ luật tố tụng dân sự 2015;

Căn cứ vào các Điều 463, 466, 468, 470 của BLDS năm 2015;

Căn cứ Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội ngày 30 tháng 12 năm 2016.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Võ Minh T.

2. Buộc ông Lê Đức M và bà Lê Thị N có nghĩa vụ trả cho anh Võ Minh T số tiền: 28.635.616 đồng(bằng chữ: Hai mươi tám triệu sáu trăm ba mươi lăm nghìn, sáu trăm mười sáu đồng).

3. Không chấp nhận lời trình bày xin trả dần của ông Lê Đức M và bà Lê Thị N.

4. Về án phí:

- Ông Lê Đức M và bà Lê Thị N phải chịu 1.431.781 đồng án phí Dân sự sơ thẩm.

- Anh Võ Minh T không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. H1 lại cho anh T số tiền 500.000 đồng tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp theo biên lai số 0000799 ngày 12 tháng 4 năm 2024 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Quy Nhơn.

5. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, thì người thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án dân sự, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

6. Về quyền kháng cáo: Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- VKSND Tp. Quy Nhơn;
- CQ THA DS Tp. Quy Nhơn;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Nguyễn Văn Tài